CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Nước Thủ Dầu Một

Ngày 31/12/2025	57,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.2%	**-1.7%**	**0.7%**

DT thuần
Q4/25
242
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 178| 278%
YoY: ▲ 97.0| 67.1%

LN thuần
Q4/25
11.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.87| 323%
YoY: ▼52.4| -82.0%

LN sau thuế
Q4/25
10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.26| 230%
YoY: ▼47.2| -82.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
49.2%
YoY: +/-▲ 6.1%

ROE
2025
8.2%
YoY: +/-▼ 0.7%

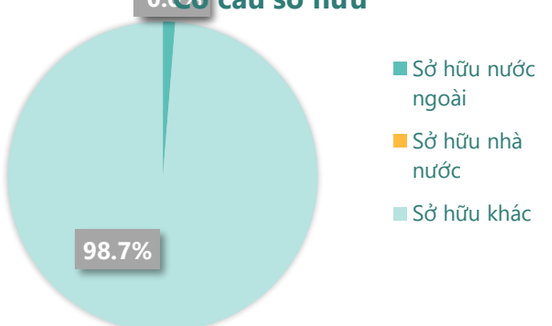
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	47,924 - 60,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,333
Số lượng CPLH (CP)	111,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,315
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.16
EPS	1,889
P/E	30.2

DT thuần
2025
506
tỷ VNĐ
YoY: ▼38.0| -7.0%

LN thuần
2025
219
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.00| -2.9%

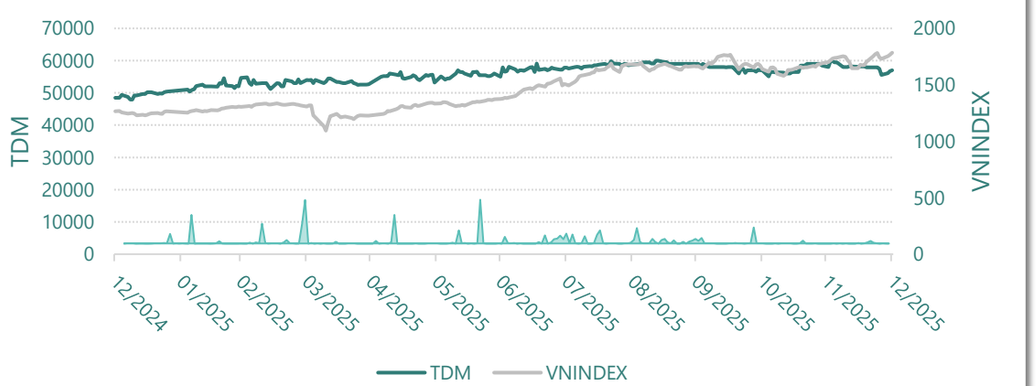
LN sau thuế
2025
210
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 2.7%

Cơ cấu sở hữu

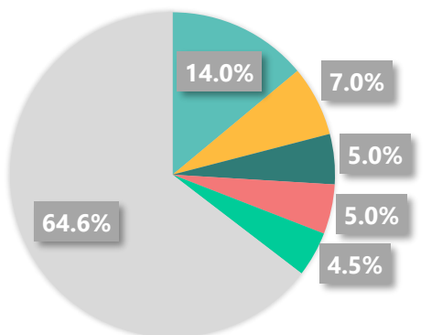


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

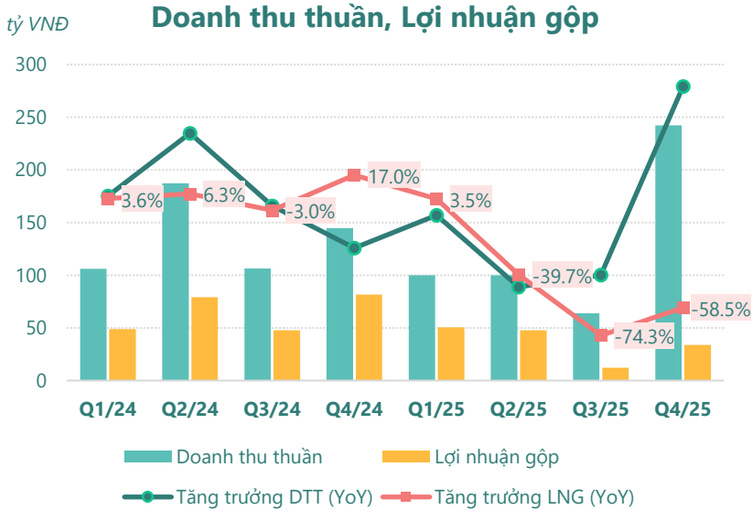


CTCP Chứng Khoán Vietcap
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc
Phạm Văn Chiến
Công ty TNHH Thương mại N.T.P
CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

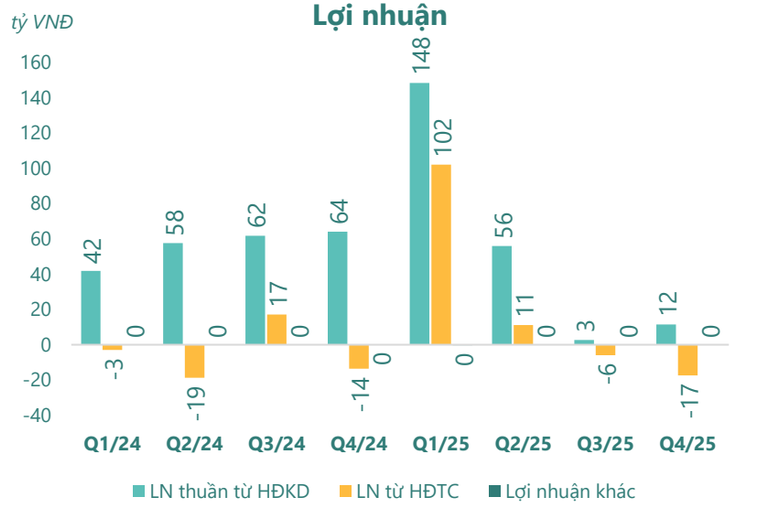
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



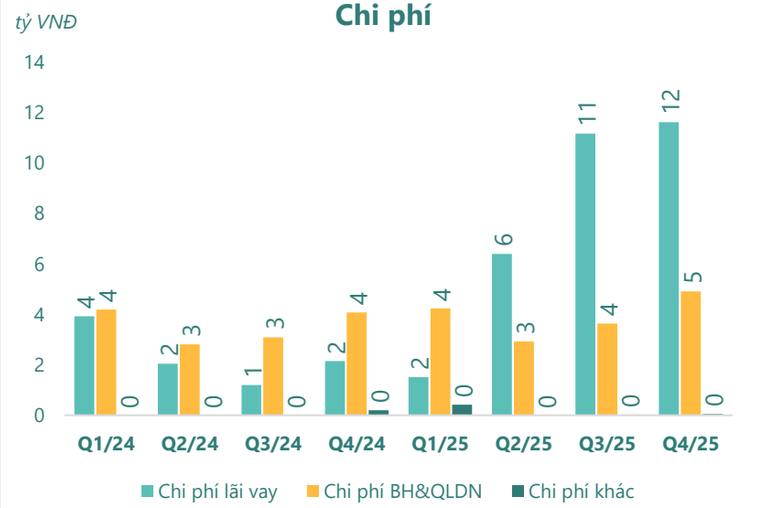
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



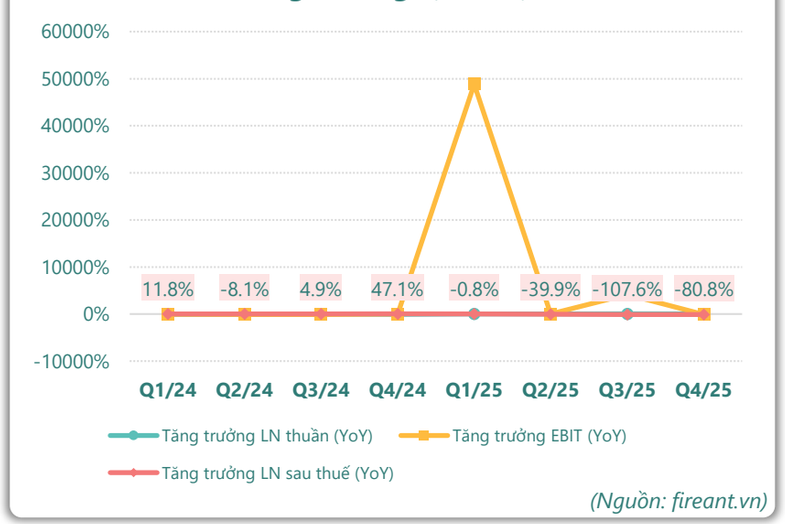
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



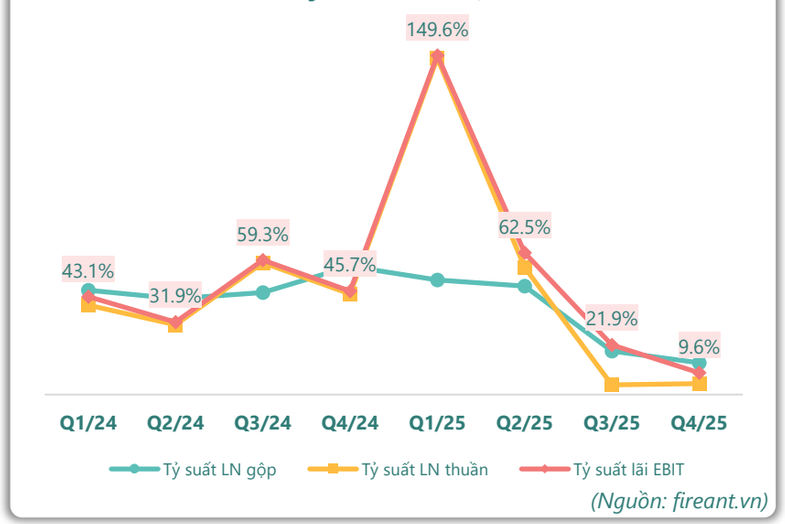
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



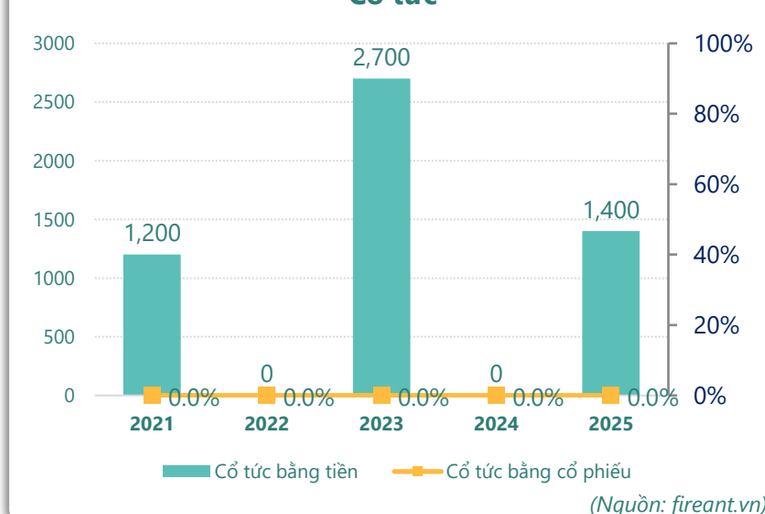
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

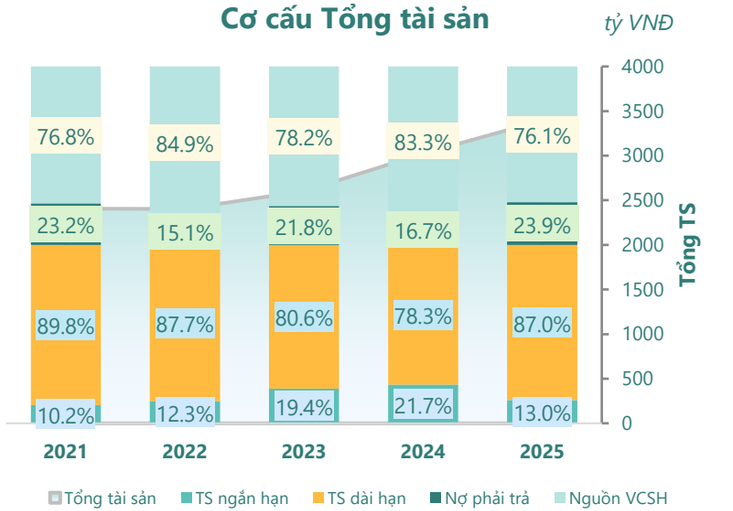
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

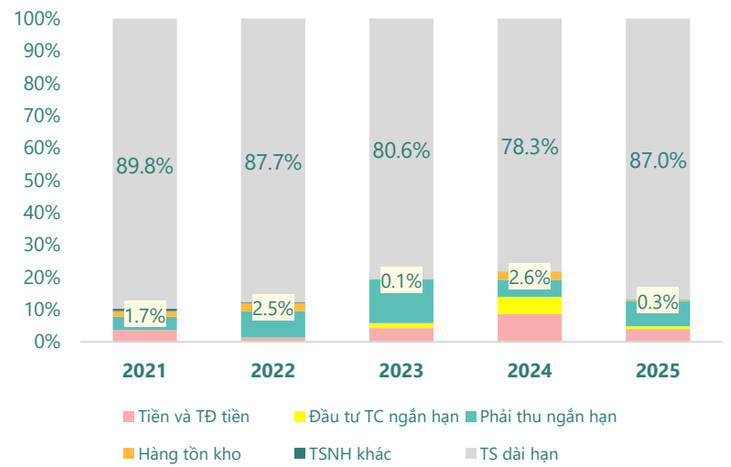
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



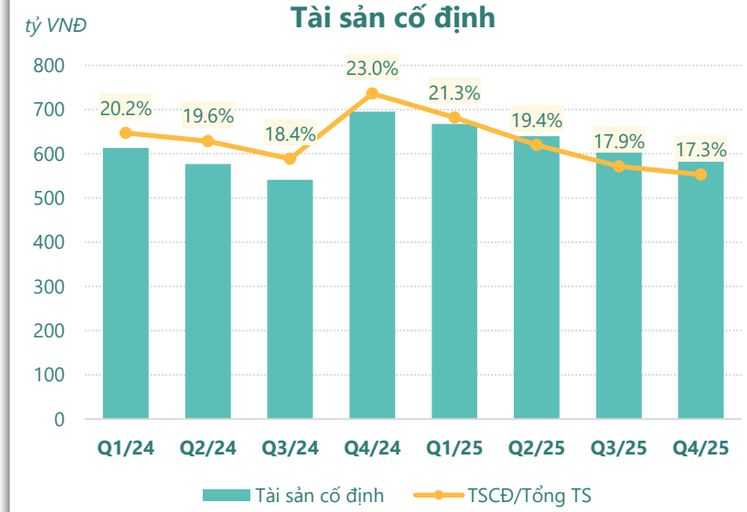
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



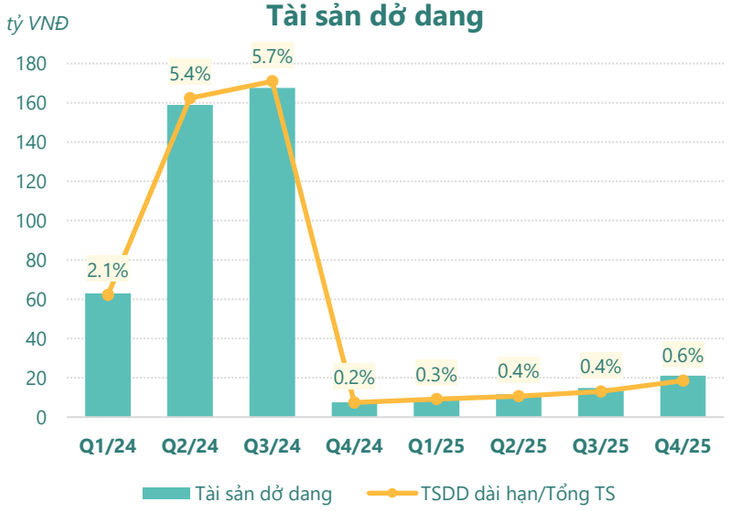
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



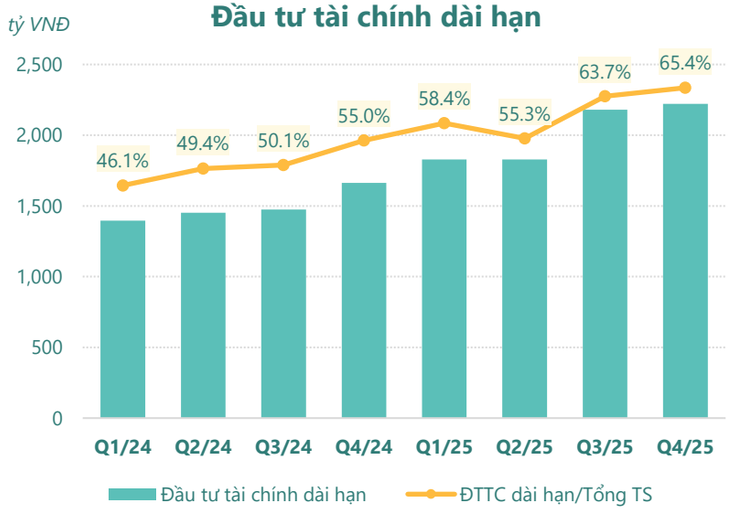
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



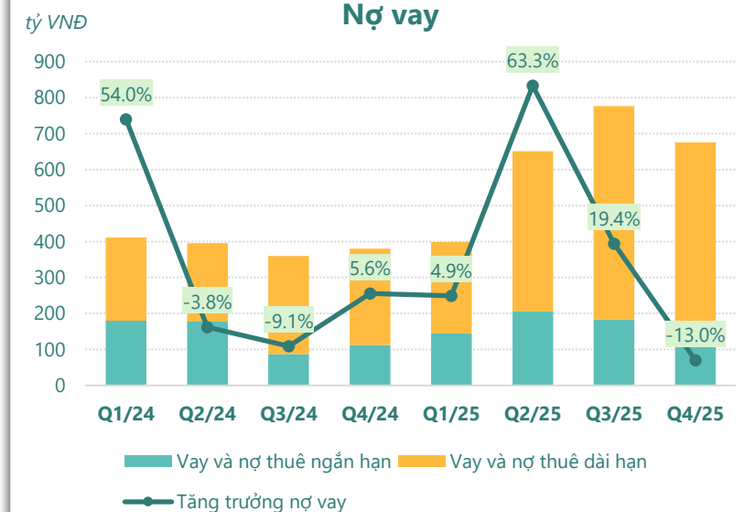
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

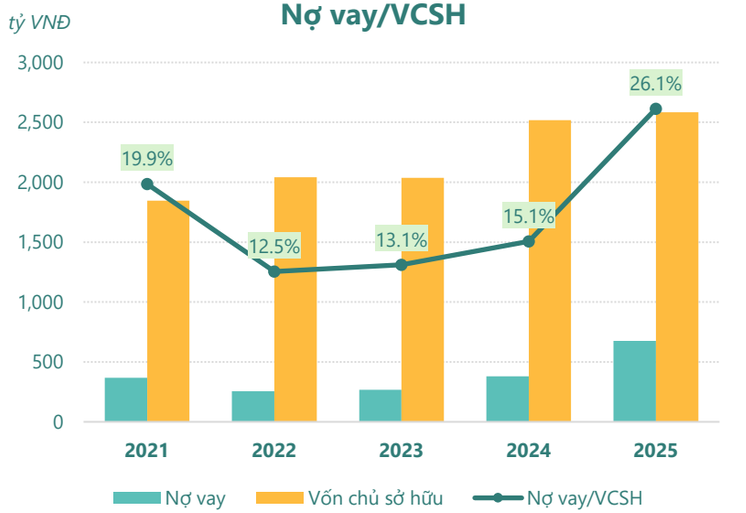
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

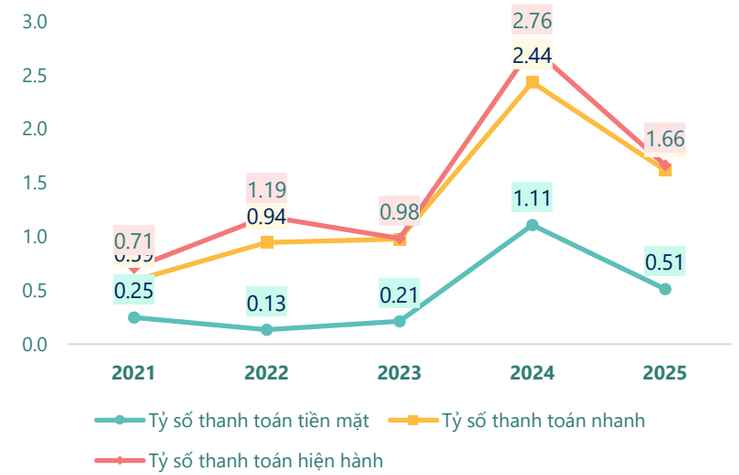
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



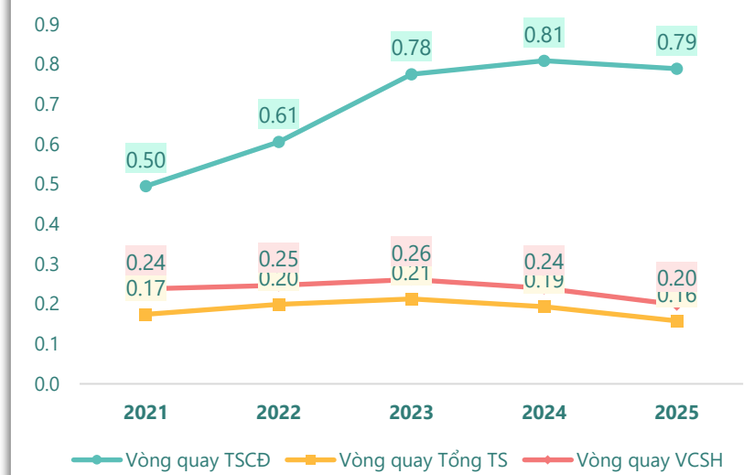
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



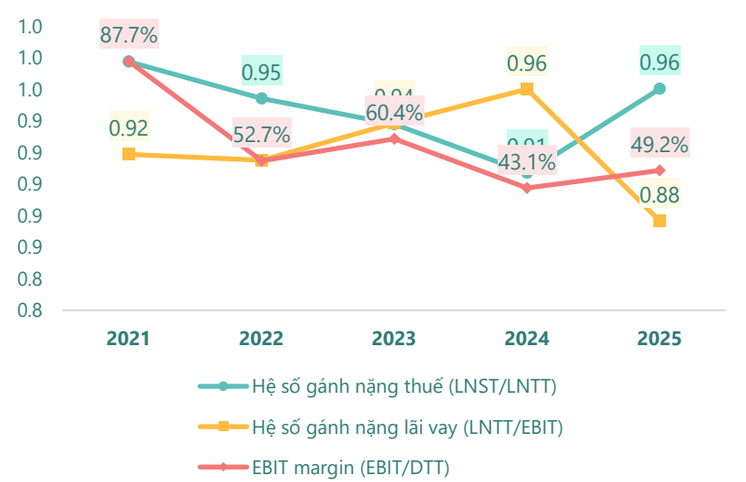
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



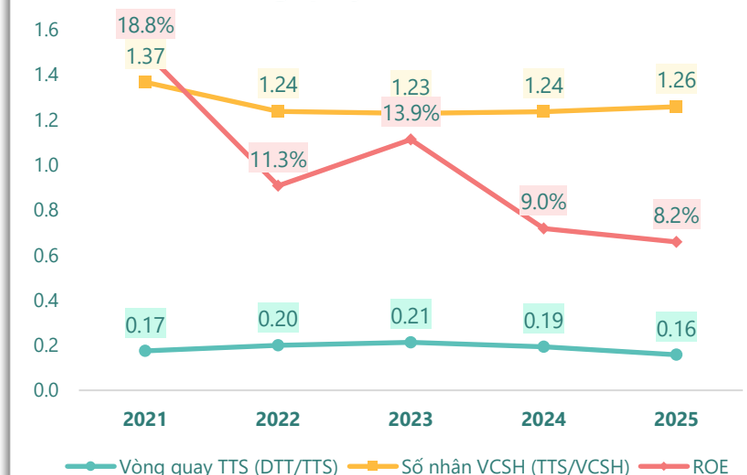
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



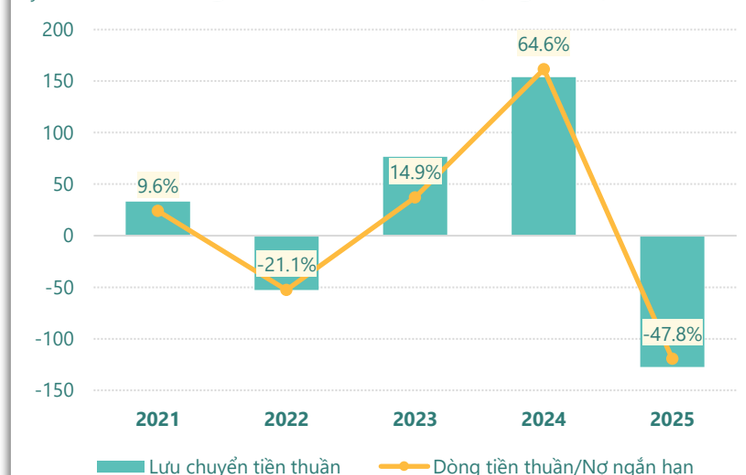
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**242**	**145**	**67.1%**	**506**	**544**	**-7.0%**
Giá vốn hàng bán	208	62.9	231%	362	287	26.1%
Lợi nhuận gộp	33.9	81.7	-58.5%	144	258	-43.9%
Doanh thu HĐTC	5.43	4.53	19.8%	149	26.9	455%
Chi phí TC	22.9	18.2	25.7%	59.5	45.1	31.9%
Chi phí lãi vay	11.6	2.15	441%	30.7	9.33	229%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.92**	**4.09**	**20.3%**	**15.7**	**14.2**	**10.9%**
LN thuần từ HĐKD	11.6	64.0	-82.0%	219	225	-2.9%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**-0.13**	**113%**	**-0.22**	**0.07**	**-417%**
LN trước thuế	11.6	63.9	-81.9%	219	225	-3.0%
Lợi nhuận sau thuế	**10.4**	**57.6**	**-82.0%**	**210**	**204**	**2.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.4**	**57.6**	**-82.0%**	**210**	**204**	**2.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	220	235	-66.7	34.2	32.6	140
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-212	-318	-134	-110	-232	43.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.1	19.4	17.2	132	116	-101
Tiền đầu kỳ	355	327	264	80.8	138	54.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-28.1**	**-63.4**	**-183**	**56.7**	**-83.0**	**81.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	327	264	80.8	138	54.6	137

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,396**	**3,024**	**12.3%**
Tài sản ngắn hạn	443	657	-32.6%
Tiền và tương đương tiền	137	264	-48.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.5	157	-82.5%
Phải thu ngắn hạn	266	156	70.3%
Hàng tồn kho	11.8	77.3	-84.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.72	2.93	-75.4%
Tài sản dài hạn	**2,953**	**2,366**	**24.8%**
Phải thu dài hạn	124	0	
Tài sản cố định	587	696	-15.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.1	7.48	182%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,221	1,662	33.6%
Tài sản dài hạn khác	**0.42**	**0.48**	**-13.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	811	505	60.5%
Nợ ngắn hạn	**266**	**238**	**11.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	131	112	16.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.67	6.57	-59.4%
Nợ dài hạn	545	267	104%
Vay và nợ thuê dài hạn	545	267	104%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,585**	**2,518**	**2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**2,585**	**2,518**	**2.6%**
Vốn điều lệ	1,111	1,100	1.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)